

## **BÁO CÁO**

**Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”**

-----

Thực hiện Công văn số 4125-CV/BTGTW, ngày 15/3/2018 của Ban Tuyên giáo Trung ương về đề nghị báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

### **I. TỔ CHỨC HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW**

#### **1. Kết quả đạt được**

Sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 (khóa XI) “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (gọi tắt Nghị quyết 29-NQ/TW); Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 74-CTr/TU về triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; đồng thời tổ chức quán triệt sâu sắc, cụ thể các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo (GDĐT) cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong toàn tỉnh; đồng thời chỉ đạo các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thành ủy có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình hành động số 74-CTr/TU của Tỉnh ủy.

Qua triển khai, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW đã giúp cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên hiểu sâu, nắm vững những quan điểm, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT); qua đó, vận dụng trong quá trình quản lý, giảng dạy tại các trường; ngành giáo dục - đào tạo đã đưa các nội dung của Nghị quyết vào kế hoạch nhiệm vụ từng năm học và giai đoạn; các phòng GDĐT, đơn vị trường học cụ thể hóa các nhiệm vụ vào kế hoạch của đơn vị, đảm bảo sát hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị.

#### **2. Những hạn chế, yếu kém**

Một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm đến công tác đổi mới giáo dục và đào tạo; xem đổi mới giáo dục là nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa thật đồng bộ, hiệu quả chưa cao. Công tác xây dựng Đảng trong trường học chưa được quan tâm đúng mức;

chất lượng sinh hoạt chi bộ của một số trường học chưa cao; một số ít cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về tinh thần, nội dung của Nghị quyết, từ đó còn chần chừ, chậm trễ trong hành động thực hiện.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước về đổi mới giáo dục và đào tạo**

- Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW:
- + Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW;
- + UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 5477/KH-UBND ngày 15/9/2015 thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy;
- + Sở GDĐT ban hành Kế hoạch số 3211/KH-SGDĐT ngày 12/10/2015 thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 5477/KH-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng;
- + Các huyện ủy, thành ủy, UBND các huyện, thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh.
- Quán triệt quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 29-NQ/TW; Tỉnh Lâm Đồng đã thành lập Ban chỉ đạo đổi mới GDĐT, giao Sở GDĐT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết trên địa bàn tỉnh. Ngành giáo dục - đào tạo đã tổ chức các hội nghị quán triệt phổ biến đến toàn thể cán bộ chủ chốt trong toàn ngành về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và các văn bản liên quan; trên cơ sở đó, thủ trưởng các đơn vị đã triển khai tập huấn, quán triệt đến toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên ở cơ quan, đơn vị.
- Tỉnh ủy giao Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết, lộ trình thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị; giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU; các huyện ủy, thành ủy, UBND các huyện, thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh; trên cơ sở đó, các trường học đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình; trong đó đề ra nhiệm vụ trọng tâm và chỉ tiêu thực hiện các tiêu chí phát triển GDĐT tại đơn vị theo từng năm và từng giai đoạn; triển khai quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết, kế hoạch thực hiện của các cấp đến từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh hiểu về chủ trương đổi mới GDĐT.

### **2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực người học**

#### **2.1 Kết quả chuẩn bị cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông theo yêu cầu Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 88-NQ/QH của Quốc hội**

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, chỉ đạo Sở GDĐT chủ động triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới quy định tại Nghị quyết số 51/2017/QH14, ngày 21/11/2017 của Quốc hội về “Điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị

quyết số 88/2018/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT; tuân tữ trong từng cấp học, từ năm học 2019 - 2020 đối với lớp đầu cấp của cấp tiểu học, từ năm học 2020 - 2021 đối với lớp đầu cấp của cấp trung học cơ sở và từ năm học 2021 - 2022 đối với lớp đầu cấp của cấp trung học phổ thông; xây dựng kế hoạch tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông dựa trên kế hoạch của Bộ, kèm theo kế hoạch có lộ trình và phân công thực hiện giữa Sở GDĐT và phòng GDĐT, cơ sở giáo dục phổ thông (dạng sơ đồ Gantt); chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, trao đổi thông tin và tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh về các giải pháp thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông, đồng thời chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp của ngành.

Tổ chức rà soát đội ngũ giáo viên, xác định nhu cầu giáo viên theo lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới và có biện pháp giải quyết số giáo viên thừa, thiếu từng cấp học, môn học. Triển khai thực hiện đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và có biện pháp giải quyết đối với giáo viên, cán bộ quản lý chưa đạt chuẩn; thực hiện bổ nhiệm, thi, xét thăng hạng và xếp lương theo hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đúng quy định; chủ động phối hợp, liên kết với các cơ sở đào tạo giáo viên và các cơ sở khác để đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý.

Chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục phổ thông; chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông chủ động kiểm tra, rà soát và phát huy cao độ tính chủ động, tự chủ trong việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, trong đó ưu tiên mục tiêu dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học.

*2.2 Thực hiện việc xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, ngành và chuyên ngành đào tạo theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

Các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên (GDTX) triển khai thực hiện khá tốt nội dung, chương trình theo hướng dẫn của ngành chuyên môn. Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt đã thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo hệ cao đẳng từ niên chế sang học tín chỉ, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tạo điều kiện cho sinh viên tự học, chủ động trong học tập và phát huy năng lực tư duy; đồng thời vận dụng, biên soạn nội dung theo hướng tinh gọn, cập nhập các kiến thức, kỹ năng phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Đối với bậc học GDTX: Các cơ sở tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phát huy vai trò chủ động, khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học nhằm thực hiện mục tiêu của GDTX: giúp cho mọi người vừa làm, vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội.

### 2.3 Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống; giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh, hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên

#### a) Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 - 2020”; chỉ đạo Sở GDĐT xây dựng kế hoạch thực hiện và hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 1537/CT-BGDĐT của Bộ GDĐT về tăng cường và nâng cao hiệu quả một số hoạt động giáo dục cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

Tổ chức thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; phát động tham gia cuộc thi trực tuyến “Tuổi trẻ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; các hoạt động về nguồn, hưởng ứng, tuyên truyền các hoạt động nhân đạo, từ thiện, vì cộng đồng, trải nghiệm sáng tạo; tổ chức tuyên dương, vinh danh các cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, học sinh nghèo vượt khó,...

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tư vấn tâm lý học đường; giáo dục kỹ năng sống; phòng, chống tai nạn thương tích,... được chú trọng triển khai thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT.

#### b) Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học

Thực hiện Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BCA-BGDĐT, ngày 28/8/2015 của Bộ Công an và Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ngành GDĐT đã phối hợp với Công an tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành giáo dục; duy trì thường xuyên, định kỳ việc trao đổi thông tin, tổ chức họp giao ban, xây dựng kế hoạch hoạt động và kiểm tra tình hình thực hiện tại cơ sở cấp huyện và các trường học. Các hoạt động giáo dục pháp luật, tuyên truyền phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được quan tâm thực hiện; hướng dẫn, kiểm soát, chấn chỉnh tình hình học sinh, sinh viên tham gia các mạng xã hội với nội dung không lành mạnh,...

Công tác giáo dục an toàn giao thông được quán triệt, tích cực triển khai thực hiện theo quy định; chỉ đạo các trường học tiếp tục phối hợp với phụ huynh học sinh cam kết thực hiện một số biện pháp bảo đảm an toàn giao thông; ngành giáo dục phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tư pháp tổ chức Hội thi “Học sinh với an toàn giao thông”; tổ chức phát động, triển khai kịp thời, đầy đủ các cuộc thi do Bộ GDĐT tổ chức như: cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”; cuộc thi “Giao thông học đường”,...

#### c) Công tác giáo dục thể chất; giáo dục quốc phòng, an ninh (GDQPAN)

Chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 26/12/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác GDQPAN trong tình hình mới; triển khai toàn diện, thường xuyên công tác GDQPAN, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới; bồi dưỡng kiến thức QPAN cho cán bộ quản lý, đảng viên, giáo viên trong ngành giáo dục.

Chấp hành nghiêm Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước, các quy định của Bộ Quốc phòng về bảo vệ bí mật quân sự và quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, vũ khí, trang bị cấp 5, bảo quản thiết bị dạy học môn học GDQPAN đúng quy định, an toàn tuyệt đối. Ban hành kế hoạch về phòng thủ dân sự. Nâng cao chất lượng môn học GDQPAN, chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm; cử giáo viên đi đào tạo giáo viên GDQPAN; phấn đấu đến năm 2020, có 90% giáo viên GDQPAN được đào tạo đạt chuẩn về trình độ; tăng cường kiểm tra công tác GDQPAN ở các trường học.

#### *2.4 Kết quả thực hiện chủ trương đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ và tin học theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

Trong 05 năm qua, hoạt động dạy và học ngoại ngữ đã có những thay đổi rõ nét như: sử dụng sách giáo khoa, phương pháp dạy học, cách thức kiểm tra đánh giá,... giao quyền chủ động cho giáo viên trong việc điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với đối tượng người học, thực hiện phân phối chương trình, dạy đúng và đủ số tiết quy định; đổi mới phương pháp dạy học truyền thống sang giao tiếp đã phát huy tính sáng tạo, tích cực của người học; giáo viên quan tâm nhiều hơn đến các hoạt động ngoại khóa, hội thi, đồ vui, hùng biện,... Rèn luyện tư duy phản biện thông qua hệ thống câu hỏi mở; đa dạng hóa các hoạt động trong lớp, tạo nên nhiều yếu tố mới trong mỗi giờ học; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực với nhiều hình thức khác nhau, căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng năng lực đầu ra của từng khối lớp theo quy định trong chương trình của cấp học.

Hằng năm, ngành GDĐT đã tổ chức Hội thi hùng biện tiếng Anh, tạo cơ hội cho học sinh phát triển khả năng nói tiếng Anh, góp phần rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, năng lực hùng biện, nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các trường phổ thông; tạo sân chơi bổ ích, lý thú giúp các em phát triển toàn diện; khuyến khích học sinh tham gia cuộc thi tiếng Anh trên internet; cuộc thi tài năng tiếng Anh do Bộ GDĐT tổ chức.

Ngành giáo dục - đào tạo đã chọn 03 trường để xây dựng điển hình về đổi mới toàn diện dạy và học ngoại ngữ; tạo chuyển biến tích cực trong dạy và học ngoại ngữ, nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của việc dạy và học ngoại ngữ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông trong dạy và học, phát huy vai trò của CNTT và các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về GDĐT; từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng CNTT, đầu tư hạ tầng CNTT trong các cơ sở giáo dục; việc ứng dụng CNTT toàn ngành GDĐT có hiệu quả thiết thực.

#### *2.5 Kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục*

Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (XMC), trong đó chú trọng mở rộng độ tuổi XMC đến 60 tuổi tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi; vùng điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn tập trung ưu tiên XMC cho phụ nữ, đồng bào dân

tộc thiểu số độ tuổi 15 - 35; nâng tiêu chuẩn công nhận biết chữ lên mức độ 2; nghiên cứu, vận dụng các giải pháp XMC hiệu quả, bền vững, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương<sup>1</sup>.

*2.6 Kết quả giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số; nhất là công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vấn đề dạy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số*

Chỉ đạo thực hiện đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng dân tộc; các địa phương, đơn vị trường học thực hiện khá tốt công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục dân tộc. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỉ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn tập trung cho học sinh tại trường làm căn cứ để thực hiện các chế độ hỗ trợ học sinh DTTS, học sinh vùng đặc biệt khó khăn theo đúng quy định.

Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định, cấp THCS có nhiều chuyển biến, học sinh xếp loại học lực khá, giỏi tăng dần, học sinh yếu, kém giảm dần theo từng năm học. Toàn tỉnh, có 9 trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) (01 trường cấp tỉnh, 08 trường cấp huyện); 02 trường phổ thông bán trú; mạng lưới trường PTDTNT, bán trú phù hợp, đáp ứng chỉ tiêu theo quy định về tỉ lệ học sinh là người đồng bào DTTS trên tổng số học sinh toàn tỉnh (cấp trung học là 10,2% (2.756/26.963), vượt chỉ tiêu 1,2%); công tác tuyển sinh chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng quy chế<sup>2</sup>.

*2.7 Kết quả đổi mới và chuẩn hóa nội dung giáo dục mầm non*

Tỉnh luôn chú trọng phát triển các loại hình trường mầm non, đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của phụ huynh; đến nay, có 229 trường mầm non (tăng 10 trường so với năm học 2013 - 2014)<sup>3</sup>. Tỉ lệ huy động trẻ ra lớp: nhà trẻ: đạt 22,47%, (vùng thi đua số 4 đạt 15,3%, toàn quốc 27,7%); mẫu giáo: đạt 83,41% (vùng 4 đạt 83,6%, toàn quốc 90,9%); mẫu giáo 5 tuổi: đạt 100% (năm học 2013 - 2014 đạt 99,85%), toàn quốc 99,7%. Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia ngày càng tăng, đến nay có 104/229 trường đạt chuẩn quốc gia, tăng 65 trường so với năm học 2013 - 2014; công tác phổ cập giáo dục mầm non được giữ vững (100% xã đạt chuẩn phổ cập cho trẻ 5 tuổi).

*2.8 Kết quả đổi mới phương pháp dạy và học phổ thông theo hướng hiện đại, nhất là kết quả thực hiện mô hình trường học mới VNEN*

<sup>1</sup> Đến tháng 12/2013: tổng dân số trong độ tuổi 806.322 người; tổng dân số trong độ tuổi biết chữ 773.385 người, tỷ lệ 95,92%. Đến tháng 12/2017: tổng dân số trong độ tuổi 837.041 người; tổng dân số trong độ tuổi biết chữ 806.702 người, tỷ lệ 96,38%; một số địa phương đã mở lớp hoàn thành XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho người DTTS ở vùng KT-XH khó khăn, không có điều kiện học tập trung.

<sup>2</sup> Kết quả thực hiện công tác XMC cho đồng bào DTTS trên địa bàn toàn tỉnh đến tháng 12/2013: tổng DTTS trong độ tuổi 241.434 người; tổng DTTS trong độ tuổi biết chữ 219.476 người, tỷ lệ: 90,9%. Đến tháng 12/2017: tổng DTTS trong độ tuổi 201.758 người, tổng DTTS trong độ tuổi biết chữ 186.205 người, tỷ lệ 92,3%.

<sup>3</sup> Năm học 2017 - 2018, có 229 trường mầm non, trong đó: 173 trường công lập, 3 trường dân lập, 53 trường tư thục; năm học 2013 - 2014 có 219 trường, trong đó: 170 trường công lập, 6 trường dân lập, 43 trường tư thục.

### a) Giáo dục tiểu học

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của GDĐT theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh tiểu học; chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình, thực hiện việc phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ về chương trình cho các cơ sở giáo dục tiểu học; đổi mới yêu cầu kiểm tra đánh giá học sinh. Tiếp tục thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2016 - 2020; tập trung rà soát, thống nhất chương trình, áp dụng nhiều sách giáo khoa; tăng tỉ lệ trường tiểu học dạy học tiếng Anh, tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ giáo viên dạy học tiếng Anh, nâng cao chất lượng dạy học Tin học, thực hiện tại tất cả các trường tiểu học.

Đổi mới phương pháp dạy và học phổ thông theo hướng hiện đại, nhất là thực hiện mô hình trường học mới (VNEN); việc nhân rộng mô hình trường học mới đảm bảo thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học, nội dung, phương pháp, chuẩn kiến thức kỹ năng, đồng thời điều chỉnh hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá học sinh trên cơ sở lấy người học làm trung tâm, phát triển môi trường học tập tích cực, thân thiện và hợp tác trong nhà trường và kết nối với cộng đồng; tập trung chỉ đạo dạy học và đánh giá kết quả học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học; đánh giá học sinh tiểu học theo chỉ đạo của Bộ GDĐT.

### b) Đổi mới các yếu tố cơ bản của giáo dục trung học

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực, sáng tạo của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đổi mới phương pháp dạy học theo chủ đề, chuẩn bị tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới; tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn đối với cấp THCS và THPT về phương pháp dạy học các môn học, hướng dẫn học sinh tự học, dạy học tích hợp liên môn, kỹ thuật xây dựng ma trận đề, biên soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan; rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng tinh giản, loại bỏ nội dung trùng lặp, hàn lâm, xa thực tế, chưa cần thiết và không phù hợp với trình độ, tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

## 2.9 Đánh giá việc đổi mới giáo dục thường xuyên, nghề nghiệp

### a) Giáo dục thường xuyên

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, phát huy vai trò chủ động, khai thác kinh nghiệm của người học, bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học nhằm đạt mục tiêu của GDTX: giúp cho mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội.

### b) Giáo dục nghề nghiệp (GDNN)

Mục tiêu tổng quát là đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; người học ra trường phải đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, có việc làm và thu

nhập tốt hơn; hạn chế tình trạng đào tạo không gắn với địa chỉ, nhu cầu sử dụng, dẫn đến thất nghiệp, lãng phí nguồn lực xã hội,...

### *2.10 Kết quả đổi mới giáo dục đại học và sau đại học*

Hiện có 02 trường đại học, 02 cơ sở của trường đại học (Trường ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Tôn Đức Thắng); giáo dục đại học và sau đại học góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh. Tuy nhiên, chương trình đào tạo đại học còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa tạo được sự thống nhất giữa mục tiêu giáo dục với mục tiêu tìm kiếm việc làm của người học; việc đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề chưa được chú trọng.

Hiện nay, chưa có một bộ tiêu chí chuẩn mực và đầy đủ để đánh giá chất lượng đào tạo, xếp loại, xếp hạng các trường đại học... nên công tác đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo còn thiếu tính khoa học, nặng cảm tính; những bất cập này gây khó khăn không chỉ cho người học khi lựa chọn sai môi trường mà còn không tạo được yếu tố cạnh tranh cần thiết để phát triển... Chất lượng đầu ra cũng như chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như hội nhập quốc tế. Ngành giáo dục đã có nhiều đổi mới trong phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung cấp; giảm áp lực xã hội trong các kỳ tuyển sinh, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

### *2.11 Kết quả đổi mới phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp; thực hiện chủ trương giao quyền tự chủ tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học*

Phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp có nhiều đổi mới, các phương án hiện nay có sự kết hợp giữa đánh giá kiến thức và năng lực khi lựa chọn thí sinh, đổi mới phương thức và nội dung tuyển sinh để tuyển chọn được ứng viên có đủ những năng lực, phẩm chất cần thiết và phù hợp để học tập tốt ở bậc đại học; giảm áp lực xã hội trong các kỳ tuyển sinh đại học; phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng đổi mới của giáo dục phổ thông ở Việt Nam.

Khi hệ thống giáo dục đang đứng trước yêu cầu cần phải thay đổi theo hướng chuyển từ phương thức giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức sang phương thức tập trung trang bị phương pháp, kỹ năng trên một nền tảng kiến thức chuyên môn căn bản và phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học thì quy trình của phương thức tuyển sinh cũ sẽ không còn phù hợp. Xã hội đã thay đổi, do đó, phương thức tuyển sinh cũng cần phải thay đổi theo; việc đổi mới phương thức tuyển sinh đại học hiện nay là tương đối phù hợp.

### *2.12 Kết quả xây dựng cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho giáo dục và đào tạo*

Chỉ đạo triển khai sử dụng hiệu quả website và thư điện tử trong ngành GDĐT; đánh giá, xếp hạng website của các phòng GDĐT và các nhà trường; sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office): quản lý văn bản (đi, đến), quản lý hồ sơ công việc,... kết nối liên thông văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước theo quy định<sup>4</sup>. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong

<sup>4</sup> Cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ phụ huynh, học sinh; tăng cường khai thác phần mềm đã cung cấp, triển khai thống nhất như: quản lý trường học online, quản lý thiết bị, thư viện, xét tốt nghiệp THCS, tuyển sinh lớp 10, thi học sinh giỏi, nghề phổ thông, quản lý ngân hàng đề thi và tổ chức thi đầu vào... tại các trường học.

Triển khai số điện tử thay sổ giấy bằng các phần mềm: Quản lý sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và sổ liên lạc điện tử (VNPT School),... đúng theo quy định; tích cực sử dụng các phần mềm: soạn giảng, dạy học, quản lý, kiểm



dạy và học, phát huy vai trò của CNTT và các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về GDĐT.

### **3. Đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo đảm bảo trung thực, khách quan**

*3.1 Đánh giá việc thực hiện đổi mới thi, kiểm tra đối với giáo dục phổ thông (Tiểu học, THCS, THPT) nhất là việc đổi mới thi tốt nghiệp THPT*

Tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục triển khai các giải pháp đổi mới phương thức thi và kiểm tra, đánh giá bảo đảm trung thực, khách quan; đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh; kết hợp đánh giá trong quá trình giáo dục và tổng kết cuối kỳ, cuối năm học; từng bước nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn. Đổi mới phương thức tuyển sinh vào lớp 10 theo kết quả học tập các năm học cấp THCS để xét tuyển thay cho thi tuyển sinh như trước đây; đánh giá kết quả đào tạo theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; năng lực thực hành và khả năng thích nghi với môi trường.

Chỉ đạo, triển khai tổ chức các kỳ thi THPT quốc gia trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kỳ thi được chuẩn bị chu đáo, đảm bảo gọn nhẹ, giảm tốn kém cho xã hội, giảm áp lực đi lại cho thí sinh và người nhà ở các địa phương, vùng khó khăn không phải di chuyển đi xa để tham dự kỳ thi.

Kết quả tốt nghiệp THPT quốc gia tại tỉnh Lâm Đồng trong các năm qua:

Năm học	Tổng số học sinh dự thi tốt nghiệp	Số học sinh tốt nghiệp	Tỉ lệ (%)
2013-2014	13.948	13.788	98,85
2014-2015	13.682	12.859	93,98
2015-2016	12.357	11.683	94,55
2016-2017	13.325	13.228	99,27
2017-2018	13.764	13.650	99,17 (chưa phúc khảo)

*3.2 Kết quả giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học*

a) Giáo dục Tiểu học: thực hiện chủ trương đổi mới, nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ và tin học theo chỉ đạo của Bộ GDĐT; đề án dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2018 -2020; tập trung chỉ đạo dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học; thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/09/2016 của Bộ GDĐT. Tổng số học sinh xét hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2017-2018 đạt 99,9%; duy trì tỷ lệ đạt 99,9%.

b) Giáo dục Trung học: tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học,

---

*tra, đánh giá, thời khoá biểu, kế toán, quản lý cán bộ công chức, viên chức. Xây dựng mô hình giáo dục, trường học điện tử; hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ quản lý và dạy - học gồm: mạng LAN, internet tốc độ cao, mạng wifi, phòng máy tính, máy tính phục vụ quản lý, chuyên môn, máy in, webcam/camera, thiết bị trình chiếu,... và một số trang thiết bị tiên tiến, bố trí trong phòng có đủ diện tích, ánh sáng và bàn ghế, tiện nghi phục vụ phù hợp theo quy định.*

áp dụng chọn lọc các mô hình, phương pháp giảng dạy tiên tiến, hình thức tổ chức dạy học tích cực phù hợp với đối tượng và điều kiện dạy học giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đổi mới kiểm tra, đánh giá người học; tăng cường giáo dục đạo đức, lý tưởng, kỹ năng sống... Kết thúc năm học 2017-2018 tỷ lệ học sinh THCS có học lực khá, giỏi đạt 58,47%; xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 98,06%; cấp THPT học lực khá, giỏi đạt 57,7%; xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 93,8%.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, hoạt động nghiên cứu khoa học trong học sinh tiếp tục được quan tâm, thực hiện; nhiều học sinh đạt giải cao tại các cuộc 6thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia và quốc tế.

***Kết quả học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi các cấp  
từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2017 - 2018***

Năm học	Học sinh giỏi cấp tỉnh		Học sinh giỏi quốc gia		Học sinh giỏi quốc tế		Tỉ lệ tốt nghiệp THPT
	THCS	THPT	Văn hóa	Dự án đạt giải thi KH-KT	Văn hóa	Khoa học, kỹ thuật	
2014-2015	411	627	19	04	0	0	94,22%
2015-2016	409	742	30	12	0	01	94,49%
2016-2017	447	716	31	13	0	03	99,64
2017-2018	469	866	28	19	03	0	

- Giáo dục nghề nghiệp: hệ thống cơ sở dạy nghề, trường trung cấp và cao đẳng phát triển cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả đào tạo; đào tạo từng bước chuyển từ hướng “cung” sang “cầu”, gắn với dự báo nguồn nhân lực, việc làm, theo yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm GDNN-GDTX thực hiện khá tốt nội dung, chương trình theo hướng dẫn của ngành chuyên môn; Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt thực hiện chương trình đào tạo theo hướng tạo điều kiện cho sinh viên tự học và phát huy năng lực tư duy; đồng thời vận dụng, biên soạn nội dung tinh gọn, cập nhập kiến thức, kỹ năng phù hợp với sự phát triển của xã hội và năng lực của người học.

Lâm Đồng đã triển khai thực hiện đổi mới phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp theo phương thức đào tạo mới: Người học tích lũy đủ mô-đun, tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo thì được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp, không phải thi tốt nghiệp cuối khóa; đối với người tốt nghiệp trình độ cao đẳng được cấp bằng cao đẳng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành tùy vào ngành nghề đào tạo.

### ***3.3 Đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo***

Xác định công tác kiểm định chất lượng giáo dục là một trong 5 nhóm giải pháp cơ bản được Bộ GDĐT xác định để nâng cao chất lượng GDĐT, công tác này

được thực hiện ở tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và đạt kết quả khả quan: 100% cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá hàng năm; hoạt động đánh giá ngoài được tăng cường, đảm bảo yêu cầu và chất lượng. Đến ngày 30/4/2018, đã tổ chức đánh giá ngoài 402 trường, tỷ lệ 57,2%. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục đã góp phần bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục về khả năng quản lý chỉ đạo, tổ chức các hoạt động giáo dục, quản lý hồ sơ và đổi mới về việc cải cách hành chính, góp phần cải tiến chất lượng giáo dục của từng đơn vị nói riêng và toàn ngành nói chung.

*3.4 Đánh giá công tác tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo, nhất là các cơ quan trong hệ thống chính trị*

Công tác tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ thực hiện đúng theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của nhà nước, đúng phân cấp quản lý và không để xảy ra khiếu nại, tố cáo liên quan; việc bố trí giảng dạy ở từng môn học, cấp học cơ bản thực hiện đúng theo quy định, không có tình trạng bố trí giáo viên giảng dạy chéo môn, trái chuyên môn<sup>5</sup>.

**4. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập**

*4.1 Đánh giá công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông*

Mạng lưới trường học cơ bản đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học nghề của học sinh; công tác chỉ đạo thực hiện phân luồng được sớm quan tâm, tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho việc định hướng phân luồng phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực của từng địa phương.

Tồn tại lớn nhất của việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS hiện nay là: Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học luồng 1 (tiếp tục lên trung học phổ thông) hiện còn quá lớn (gần 90%), tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở vào học luồng 2 và luồng 3 (học Trung cấp chuyên nghiệp và học nghề) lại quá thấp. Việc học sinh không đủ năng lực, điều kiện học tập vẫn tiếp tục cố theo học trung học phổ thông và thi vào đại học, cao đẳng đã, đang và sẽ tiếp tục gây khó khăn cho công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS; điều này gây lãng phí về kinh phí và thời gian học trung học phổ thông (lãng phí đào tạo, lãng phí nguồn lực gia đình, xã hội), làm chậm thời gian tham gia thị trường lao động. Kết quả phân luồng và định hướng nghề nghiệp giáo dục trung học hiện nay gây ra những tác động bất lợi cho việc chuẩn bị và cơ cấu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, bản thân người học và các chính sách phát triển giáo dục của tỉnh nhà.

*4.2 Kết quả hoạt động và phát triển giáo dục ngoài công lập của các cấp học; việc thực hiện công bằng xã hội giữa giáo dục công lập và giáo dục ngoài công lập*

Tỉnh luôn chú trọng phát triển đa dạng các loại hình trường, lớp nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; hiện các trường mầm non, phổ thông ngoài

<sup>5</sup> Chỉ xảy ra ở một số trường tư thục và trường tiểu học quy mô quá nhỏ không thể bố trí giáo viên mỹ thuật, âm nhạc biên chế mà phải thực hiện hợp đồng thỉnh giảng.

công lập đều thực hiện chương trình chung, thống nhất như các trường công lập; tiêu chí đánh giá, xếp loại học sinh thực hiện theo quy định thống nhất từ Bộ GDĐT đến Sở và các đơn vị trường học; cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu dạy - học và chăm sóc, giáo dục trẻ<sup>6</sup>.

Tuy nhiên một số nhóm, lớp nhà trẻ, mẫu giáo có phương pháp tổ chức hoạt động theo yêu cầu đổi mới chưa linh hoạt, sáng tạo do trình độ đội ngũ còn hạn chế; một số giáo viên mầm non chưa đạt chuẩn theo quy định.

#### *4.3 Đánh giá kết quả xây dựng xã hội học tập*

Thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo triển khai sâu rộng ở các cấp, các ngành, tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền và sự hưởng ứng tham gia tích cực của người dân; phát triển rộng khắp hội khuyến học ở các địa phương, tổ chức các hình thức như gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học và nhiều hình thức khác đã khơi dậy truyền thống hiếu học trong nhân dân. Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập”, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh và thành lập Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập tỉnh giai đoạn 2013-2020. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” và kế hoạch triển khai mô hình học tập ở cơ sở giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng mô hình điểm “Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2016.

### **5. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng**

#### *5.1 Những đổi mới trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, nhất là việc phân cấp quản lý, tự chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; công tác hậu kiểm trong hoạt động giáo dục và đào tạo, dạy nghề*

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý thông qua văn bản điện tử, hệ thống email, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành thông suốt từ Bộ GDĐT đến cơ sở giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; coi trọng quản lý chất lượng; đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục; thực hiện đồng bộ phân cấp trong quản lý nhà nước về giáo dục theo quy định; hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân; bảo đảm dân chủ hóa trong giáo dục; thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá giáo viên; giáo viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cán bộ quản lý cấp dưới tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cơ sở giáo dục tham gia đánh giá quản lý nhà nước về giáo dục.

Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra; đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐT; tập trung thanh tra điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; quản lý, chỉ đạo của nhà trường; dạy thêm, học thêm, thu, chi, mua sắm, trang bị cơ sở vật chất; thanh tra thi, tuyển sinh, sử dụng

<sup>6</sup> Hiện có 63 trường ngoài công lập (MN 56 trường, GDTH 02 trường, THPT 04 trường và 01 trường đại học).

đội ngũ, chính sách đối với nhà giáo và người học,... Đổi mới thanh tra theo hướng trọng tâm, trọng điểm, những vấn đề dư luận bức xúc, điểm nóng dễ phát sinh tiêu cực. Thanh tra giúp trường học, các bộ phận, cá nhân liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật; giúp các cơ sở giáo dục nhận ra việc làm đúng, chưa đúng để điều chỉnh các tồn tại, hạn chế; đồng thời, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định; từ đó nề nếp, kỷ cương từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT.

### *5.2 Đánh giá kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý; thực hiện dân chủ trong trường học*

Chỉ đạo triển khai sử dụng hiệu quả website và thư điện tử trong ngành GDĐT; đánh giá, xếp hạng website của các phòng GDĐT và các nhà trường; sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office): quản lý văn bản (đi, đến), quản lý hồ sơ công việc,... kết nối liên thông văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.<sup>7</sup>

### *5.3 Đánh giá sự đổi mới công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, nhất là việc quản lý những cơ sở giáo dục và đào tạo mới thành lập*

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý thông qua văn bản điện tử, hệ thống email, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành thông suốt từ Bộ GDĐT đến cơ sở giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; coi trọng quản lý chất lượng; đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục; thực hiện đồng bộ phân cấp trong quản lý nhà nước về giáo dục theo quy định; hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân; bảo đảm dân chủ hóa trong giáo dục; thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá giáo viên; giáo viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cán bộ quản lý cấp dưới tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cơ sở giáo dục tham gia đánh giá quản lý nhà nước về giáo dục.

## **6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo**

### *6.1 Đánh giá thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục cơ bản đủ về số lượng, có chất lượng, đảm bảo thực hiện công tác quản lý, dạy học trong các trường học. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên toàn ngành là 24.929; trong đó: CBQL 1.714 người; giáo viên 18.831 người; nhân viên 4.384 người; quán triệt đến các trường học xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Tiếp tục chuẩn

<sup>7</sup> Cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ phụ huynh, học sinh; tăng cường khai thác phần mềm đã cung cấp, triển khai thống nhất như: quản lý trường học online, quản lý thiết bị, thư viện, xét tốt nghiệp THCS, tuyển sinh lớp 10, thi học sinh giỏi, nghề phổ thông, quản lý ngân hàng đề thi và tổ chức thi đầu vào... tại các trường học.

Triển khai số điện tử thay sổ giấy bằng các phần mềm: Quản lý sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và sổ liên lạc điện tử (VNPT School),... đúng theo quy định; tích cực sử dụng các phần mềm: soạn giảng, dạy học, quản lý, kiểm tra, đánh giá, thời khoá biểu, kế toán, quản lý cán bộ công chức, viên chức. Xây dựng mô hình giáo dục, trường học điện tử; hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ quản lý và dạy - học gồm: mạng LAN, internet tốc độ cao, mạng wifi, phòng máy tính, máy tính phục vụ quản lý, chuyên môn, máy in, webcam/camera, thiết bị trình chiếu,... và một số trang thiết bị tiên tiến, bố trí trong phòng có đủ diện tích, ánh sáng và bàn ghế, tiện nghi phù hợp theo quy định.

hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo từng cấp học và trình độ đào tạo; nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo để làm gương cho học sinh, sinh viên; đảm bảo đủ giáo viên theo chương trình giáo dục phổ thông mới, giáo viên dạy ngoại ngữ, tin học, giáo viên tư vấn học đường, hướng nghiệp, giáo dục đặc biệt và GDTX.

### *6.2 Đánh giá việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được quan tâm và gắn công tác đào tạo với quy hoạch cán bộ. Trong những năm qua, tỉ lệ cán bộ được đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý trường học được nâng lên, 100% công chức cơ quan Sở đã qua bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên; hàng năm đều cử CBQL và nguồn trong quy hoạch tham gia bồi dưỡng về lý luận chính trị. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước được chuẩn hóa theo từng cấp học và trình độ đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương. Đến nay, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 97,8%, trên chuẩn đạt 68%.

### *6.3 Đánh giá kết quả thực hiện chính sách đãi ngộ, tôn vinh và thu hút đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.*

Thực hiện các chính sách ưu đãi tạo động lực cho các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; có chính sách thu hút các nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm và uy tín trong và ngoài nước tham gia phát triển giáo dục. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách về phát triển nguồn nhân lực chỉ đạo của Trung ương,... UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt công tác quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020, ban hành chính sách thu hút nhân tài tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi và sau đại học về công tác trong ngành GDĐT; chính sách cử tuyển và sử dụng sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp theo quy định.

## **7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo**

Căn cứ Nghị định 43/2005/NĐ-CP, ngày 15/6/2006 của Chính phủ “*về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*”; mức độ tự chủ của các đơn vị được giao chủ yếu căn cứ theo mức tự bảo đảm chi phí thường xuyên, khả năng huy động sự đóng góp của xã hội để phát triển các hoạt động sự nghiệp và khả năng xã hội hóa các nguồn lực thực hiện. Sau một thời gian thực hiện, mặc dù đã tạo thuận lợi cho các đơn vị sự nghiệp chủ động hơn trong hoạt động của mình, góp phần nâng cao chất lượng và giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước nhưng việc đổi mới cơ chế hoạt động, thực hiện quyền tự chủ của đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập vẫn ở mức thấp, thực hiện còn hình thức và hiệu quả chưa cao.

Để tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần giải quyết những bất cập khi thực hiện tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, ngày 14/2/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định 16/2015/NĐ-CP nhằm hoàn thiện thể chế pháp luật về dịch vụ sự nghiệp công và cơ chế hoạt động của

đơn vị sự nghiệp công lập; theo đó, các đơn vị này được phép thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo hướng từng bước tính đủ tiền lương, chi thường xuyên theo lộ trình phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và thu nhập của người dân; từng bước giảm dần sự bao cấp và xóa bỏ can thiệp của Nhà nước đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, thúc đẩy xã hội hóa; thực hiện phương thức đầu tư, đấu thầu đặt hàng, giao nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế. Hiện nay, phần lớn các cơ sở giáo dục vẫn đang vận hành theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP.

Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở GDĐH công lập giai đoạn 2014 - 2017 cho phép: Các cơ sở GDĐH công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, tổ chức bộ máy và nhân sự, tài chính. Trên cơ sở các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hệ thống GDĐH thời gian qua cũng đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Vai trò, vị trí của các cơ sở GDĐH trong hệ thống dần được khẳng định.

#### **8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý**

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và học sinh, sinh viên; tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện mạng “Trường học kết nối” trong ngành GDĐT; tập huấn, sử dụng phần mềm hệ thống thông tin quản lý giáo dục theo quy định.

Nhiều đề tài, sáng kiến cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng, có giá trị thực tiễn tích cực; các trường học tích cực tổ chức, tham gia các hoạt động này và đạt kết quả đáng khích lệ; số dự án tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, quốc gia, quốc tế ngày càng tăng và có chất lượng cao.

#### **Số liệu, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật**

TT	Năm học	Tỉnh		Quốc gia		Quốc tế	
		Dự án	Học sinh	Dự án	Học sinh	Dự án	Học sinh
1	2013-2014	58	118	6	13		
2	2014-2015	75	124	6	10	1	2
3	2015-2016	97	166	9	17	1	2
4	2016-2017	114	191	9	15	2	3
5	2017-2018	154	277	27	46	1	2

#### **9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo**

Nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, đáp ứng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; qua đó, cán bộ quản lý, giáo viên tiếp cận các phương pháp dạy học và quản lý giáo dục tiên tiến trên thế giới; nâng cao trình

độ chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên và năng lực quản lý của các cấp lãnh đạo; trình độ tin học, ngoại ngữ của học sinh và giáo viên được nâng cao, chất lượng giáo dục ngày càng bền vững.<sup>8</sup>

Tuy nhiên, hoạt động hợp tác quốc tế chưa ngang tầm với nhiệm vụ; cơ sở vật chất phục vụ dạy và học tin học, ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Ưu điểm:

Sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, có thể khẳng định chất lượng, hiệu quả GDĐT trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng lên theo hướng toàn diện, đảm bảo thực chất. Quy mô trường, lớp ổn định, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của nhân dân; chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học đạt kết quả khá tốt; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý được bồi dưỡng thường xuyên, vững vàng tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường; phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh; phong trào thi đua yêu nước, dạy tốt, học tốt được phát huy; phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá được đổi mới theo hướng tích cực.

#### 2. Những tồn tại, hạn chế:

Việc quán triệt Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chưa đạt hiệu quả theo yêu cầu nên việc chuyển biến về nhận thức trong đội ngũ cán bộ, giáo viên còn chậm, chưa sâu sắc làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ chung của ngành. Một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa nhận thức đầy đủ về đổi mới phương pháp quản lý và dạy học; cơ cấu đội ngũ giáo viên ở một số địa phương chưa hợp lý, chất lượng giảng dạy chưa cao. Cơ sở vật chất mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ. Chất lượng giáo dục vùng dân tộc, vùng khó khăn có chuyển biến tích cực song chưa đạt theo yêu cầu; số học sinh bỏ, nghỉ học còn nhiều; một số trường chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh.

Việc huy động các nguồn lực đầu tư phát triển GDĐT; công tác xã hội hóa, hỗ trợ chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều khó khăn (*đặc biệt đối với vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*). Công tác hợp tác quốc tế còn nhiều hạn chế; việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ

---

<sup>8</sup> Tiếp tục triển khai có hiệu quả mô hình Trường học mới; phối hợp với tổ chức thương mại Hàn Quốc, cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc triển khai các hoạt động giáo dục tại Trung tâm hỗ trợ, phát triển công tác giáo dục hòa nhập Hàn Quốc cho học sinh khuyết tật; phối hợp với Tổ chức phi chính phủ NGO, Câu Vồng Châu Á (Nhật Bản) tập huấn giáo dục cho trẻ khuyết tật, khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ; phối hợp với Nhà xuất bản Oxford, NXB Giáo dục tập huấn phương pháp giảng dạy cho giáo viên tiếng Anh tiểu học. Cử giáo viên tham gia bồi dưỡng tiếng Anh và giảng dạy các môn học tự nhiên bằng tiếng Anh do Trung tâm SEAMEO tổ chức; phối hợp với Đại học RMIT tập huấn công tác hướng nghiệp và ứng dụng CNTT trong dạy học cho giáo viên trường THPT; triển khai các chương trình Giáo dục của Intel; Dự án "Tăng cường kỹ năng CNTT cho giới trẻ hội nhập và phát triển" cho 20 trường THCS do Bộ GDĐT và Microsoft tổ chức; phối hợp với Văn phòng Viện Pháp Việt Nam thuộc Lãnh sự quán Pháp tại TP Hồ Chí Minh, Trung tâm ngoại ngữ Antenne triển khai thư viện di động BIMOB tại một số trường phổ thông; phối hợp với Tổ chức Room to Read triển khai chương trình thư viện thân thiện tại các trường tiểu học... Hợp tác với tỉnh Chăm Pa Săk, CHDCND Lào tiếp nhận và hỗ trợ kinh phí cho 02 sinh viên Lào học ngành Môi trường tại Trường Đại học Đà Lạt; cử 03 giáo viên của tỉnh sang dạy tiếng Việt tại Trường Năng khiếu Hữu nghị Chăm Pa Săk - Lào.



chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học,... chưa đạt yêu cầu.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế và bài học kinh nghiệm**

Quan điểm “*Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu*”, “*đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển*” chưa thực sự được thấm nhuần và thể hiện trên thực tế; một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quán triệt đầy đủ chủ trương, đường lối về phát triển giáo dục; chưa quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát ở các cấp, các ngành.

Quá trình hội nhập quốc tế mang lại những cơ hội cùng với nhiều thách thức lớn đối với giáo dục; tâm lý khoa cử, sĩ khí bằng cấp, bệnh thành tích còn chi phối việc dạy, học và thi; mặt trái của kinh tế thị trường có tác động tiêu cực đến giáo dục; nhu cầu học tập của nhân dân và đòi hỏi nâng cao chất lượng giáo dục ngày càng cao trong khi khả năng đáp ứng của ngành giáo dục và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn hạn chế.

## **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành và tổ chức chính trị-xã hội đối với giáo dục**

Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển giáo dục. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với giáo dục, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương; ưu tiên ngân sách nhà nước dành cho phát triển giáo dục phổ cập và các đối tượng đặc thù. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến từng chi bộ, tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên; đưa các nội dung của Nghị quyết vào kế hoạch nhiệm vụ từng năm học và giai đoạn; các phòng GDĐT, đơn vị trường học cụ thể hóa các nhiệm vụ vào kế hoạch của đơn vị, đảm bảo sát hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị.

### **2. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đổi mới quản trị trong các cơ sở giáo dục và đào tạo**

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện thống nhất đầu mối quản lý và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục. Thực hiện đồng bộ phân cấp trong quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân.

Bảo đảm dân chủ hóa trong giáo dục. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá người dạy, giáo viên và giảng viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, cán bộ quản lý cấp dưới tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cơ sở giáo dục tham gia đánh giá quản lý nhà nước về giáo dục.

Tập trung quản lý chất lượng giáo dục: Chuẩn hóa đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng trên cơ sở ứng dụng các thành tựu mới về khoa học giáo dục, công nghệ và quản lý; công khai về chất lượng giáo dục, các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính của các cơ sở giáo dục; thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục; xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục, thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của các cấp học, trình độ đào tạo và kiểm định các chương trình giáo dục nghề nghiệp, đại học.

Tăng cường phối hợp kiểm tra công tác quản lý, giáo dục diễn biến tư tưởng, đạo đức, lối sống trong giáo viên, học sinh, sinh viên; việc dạy thêm, học thêm, phát hiện và xử lý nghiêm bệnh thành tích và tiêu cực trong thi cử; quản lý chặt chẽ hoạt động của nhà trẻ, các trường ngoài công lập.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục ở các cấp học. Cùng cố, tăng cường nền nếp kỷ cương trong giáo dục - đào tạo: kỷ cương quản lý, thực hiện quy chế chuyên môn, thi cử, tuyển sinh; tăng cường quản lý và tiếp tục chấn chỉnh việc thực hiện chế độ công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong ngành; chấn chỉnh dạy thêm, học thêm, thu chi tài chính, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự trường học, an toàn giao thông.

### **3. Sắp xếp và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo**

Xây dựng, củng cố trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lat đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

Đảm bảo từng bước có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non và phổ thông, dạy học 2 buổi/ngày, giáo viên dạy ngoại ngữ, giáo viên tư vấn học đường và hướng nghiệp, giáo viên giáo dục đặc biệt và giáo viên giáo dục thường xuyên. Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Thực hiện hiệu quả các nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị giáo dục công lập”.

Thực hiện các chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần tạo động lực cho các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, nhất là với giáo viên mầm non; có chính sách đặc biệt nhằm thu hút các nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm và uy tín trong và ngoài nước tham gia phát triển giáo dục.

### **4. Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo**

Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở GDĐT giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến 2030 phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu học tập của nhân dân. Thí điểm sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp

giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn cụ thể. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách khoa học, hợp lý; thu gọn lại các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, địa bàn cụ thể; tạo điều kiện chuyển đổi mô hình các cơ sở giáo dục trung học phổ thông từ công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao nhằm đảm bảo mục tiêu đến năm 2021 giảm 10% đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập đang do nhà nước bảo đảm kinh phí chi hoạt động thường xuyên, giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (*theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII*).

### **5. Đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường tự chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học**

Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục; nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội. Đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên cho giáo dục trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên. Ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục được tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập; giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách xã hội; giáo dục năng khiếu và tài năng; đào tạo nhân lực chất lượng cao. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông, Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở giáo dục công lập và có cơ chế hỗ trợ để bảo đảm từng bước hoàn thành mục tiêu phổ cập theo luật định. Khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao ở khu vực đô thị.

Đầu tư ngân sách nhà nước có trọng điểm, không bình quân dàn trải, đầu tư đến đâu đạt chuẩn đến đó. Từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học tối thiểu của tất cả các cơ sở giáo dục; ưu tiên đầu tư xây dựng các trường trọng điểm, trường chuyên, trường đào tạo học sinh năng khiếu, trường dân tộc nội trú, bán trú. Quy hoạch, đảm bảo quỹ đất để xây dựng trường học, ưu tiên ký túc xá cho sinh viên.

Có cơ chế, chính sách quy định trách nhiệm của doanh nghiệp trong đầu tư phát triển đào tạo nhân lực, đặc biệt đào tạo nhân lực chất lượng cao và nhân lực thuộc ngành nghề mũi nhọn. Quy định trách nhiệm của các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và gia đình trong việc đóng góp nguồn lực và tham gia các hoạt động giáo dục, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người, góp phần từng bước xây dựng xã hội học tập.

Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh để huy động sự tham gia của xã hội đầu tư phát triển giáo dục; khuyến khích các cơ sở giáo dục thu hút nguồn vốn để tăng cường cơ sở vật chất, cải thiện điều kiện dạy và học. Có lộ trình quy định tỉ lệ đóng góp của người học, xã hội và Nhà nước để bảo đảm chất lượng đào tạo theo hướng đối với giáo dục nghề nghiệp, học phí tiến tới đủ bù chi thường xuyên, đồng thời hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn, đào tạo nhân tài...

Tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội; thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập, hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo; có chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; tăng đầu tư cho giáo dục đặc biệt; có chính sách đãi ngộ đối với giáo viên giáo dục đặc biệt và học sinh khuyết tật.

Chỉ đạo các ngành, các địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho việc định hướng phân luồng phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực của từng địa phương; đảm bảo tỉ lệ phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS và THPT.

Chú trọng đổi mới cơ chế chính sách đối với công tác giáo dục nghề nghiệp, nhất là công tác dạy nghề cho lao động nông thôn, trong các khu công nghiệp.

### **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm hoàn thiện chương trình các môn học, các hoạt động giáo dục theo hướng tinh gọn, giảm tải và gắn với thực tế trải nghiệm sáng tạo; hàng năm học có sơ kết, đánh giá để điều chỉnh chương trình cho phù hợp; hoàn thiện và ổn định phương án thi cử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, có kế hoạch tổ chức thi qua mạng. RL

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn;
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đ/c Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lưu VPTU, XH.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Trần Đức Quận**